

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG XUÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2022

V/v “*Yêu cầu xin ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vĩnh Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Đặng Thị Duyên

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về “*Yêu cầu xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2022 giữa các đương sự: giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** *Chị Nguyễn Thị Thu T – Sinh năm: 1995*

*Địa chỉ: KP. C, thị trấn L, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.*

**- Bị đơn:** *Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1995*

*Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T tại phiên tòa như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H có thời gian tìm hiểu được một năm, đến tháng 5/2018 chị và anh H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc trong thời đầu, cho đến khi chị sinh con xong thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống. Tuy nhiên, vì con còn nhỏ nên chị cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình. Cho đến tháng 3/2021 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vợ chồng chị không còn sống chung với nhau cho đến nay. Hôm

nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung: Nguyễn Minh Quân - sinh ngày 18/3/2019, hiện chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn H để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến Tòa để làm việc.

\* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn H không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu Nguyễn Minh Quân - sinh ngày 18/3/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”. Anh Nguyễn Văn H có địa chỉ tại thôn P, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng

Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án thực hiện đầy đủ việc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H có thời gian tìm hiểu, xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 03/5/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa chị T và anh H hạnh phúc trong thời gian đầu. Cho đến sau khi chị T sinh con xong thì vợ chồng bắt đầu xảy ra bất đồng, mâu thuẫn. Tuy nhiên, vì con còn nhỏ nên chị T cố gắng vun vén hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 3/2021, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nên chị T và anh H không còn sống chung với nhau. Chị T về cha mẹ chị T sinh sống, còn anh H thì ở với cha mẹ và sau đó đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Hôm nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Tại biên bản làm việc ngày 06/4/2022 của Tòa án đối với ông Nguyễn Trương Hoàng là cha của anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H là con trai của ông, chị T là con dâu, hiện nay anh H vẫn còn đăng ký hộ khẩu chung với gia đình ông. Tuy nhiên, năm 2021 vợ chồng anh H xảy ra mâu thuẫn nên anh H đã đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương từ năm 2021 cho đến nay. Ngày lễ, tết anh H cũng có về thăm nhà, việc chị T làm đơn yêu cầu xin ly hôn anh H biết việc này và cũng thống nhất ly hôn nhưng vì điều kiện công việc làm nên anh H không về theo giấy triệu tập của Tòa án được. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung: Nguyễn Minh Quân - sinh ngày 18/3/2019, hiện chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do vậy giao cháu Quân cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét giải quyết

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

**Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Quân - sinh ngày 18/3/2019, hiện chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số 0000521 ngày 06/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

**TM. ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- Dương sự;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- UBND xã X, Đồng Xuân;
- UBND thị trấn L, Đồng Xuân;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Vĩnh Long**

